

Bản án số: 16/2018/DS- ST

Ngày: 20/3/2018

V/v: “Tranh chấp HĐ tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Chung
2. Ông Nguyễn Chí Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 249/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2018/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần ST do bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc làm người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268, đường N, phường 8, Quận 3, Thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ST: Ông Ngô Châu N – Trưởng Phòng giao dịch M1 (theo Văn bản ủy quyền số 2480/2017/GUQ-PL&TT ngày 07/8/2017 và Văn bản ủy quyền số 4012/2017/GUQ-PL ngày 15/12/2017).

Ông Ngô Châu N ủy quyền cho anh Nguyễn Phước L, sinh năm 1991 - Chức vụ: Trưởng bộ phận kinh doanh phòng giao dịch M1 (Văn bản ủy quyền số 18/2018/GUQ-PGDTNMC ngày 19/3/2018)

2. Bị đơn: Lê Thị S, sinh năm 1962; Đỗ Văn P, sinh năm 1953; Cùng nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt không lý do).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đỗ Văn T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre(vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2017; bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần ST, anh Nguyễn Phước L trình bày:

1. Ngày 02/10/2014 bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần ST– Chi nhánh BT – Phòng giao dịch M1 theo Hợp đồng tín dụng số LD1427500552, số tiền cụ thể như Su:

- Số tiền vay: 200.000.000 đồng.
- Mục đích vay: tiêu dùng
- Thời hạn vay: 48 tháng.
- Lãi suất vay: 1,1%/tháng.
- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn
- Hình thức cho vay: có tài sản bảo đảm
- Hình thức trả nợ gốc: trả hàng tháng (có phụ lục kèm theo)
- Hình thức trả lãi: trả hàng tháng theo dư nợ giảm dần
- Ngày giải ngân: 02/10/2014
- Ngày đến hạn trả nợ: 02/10/2018

2. Ngày 08/10/2014 bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần ST– Chi nhánh BT – Phòng giao dịch M theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, số tiền cụ thể như Su:

- Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng
- Mục đích vay: tiêu dùng
- Hình thức vay: có tài sản bảo đảm
- Lãi suất vay: 2,5%/tháng
- Thời hạn sử dụng thẻ: 28/9/2020.
- Thời hạn trả vốn và lãi: từ ngày 05 thanh toán đến ngày 30 dư nợ hàng tháng.
- Hình thức trả nợ gốc và lãi: thanh toán toàn bộ dư nợ hoặc tối thiểu 5% x (nhân) dư nợ.

3. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P theo Hợp đồng thế chấp số: LD1427500552 ngày 02/10/2014 và phụ lục sửa đổi bổ sung số 01 ngày 20/10/2014 là quyền sử dụng đất diện tích 3.750 m² và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 1286, 1307, 1310 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tính đến ngày 19/3/2018 bà S và ông P còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần ST số tiền 70.307.996 đồng, cụ thể như Su:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số LD1427500552:

+ Vốn gốc: 58.990.000 đồng.

+ Tiền lãi: 11.317.996 đồng

- Đối với giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 08/10/2014:

+ Vốn gốc: 5.963.822 đồng

+ Tiền lãi: 75.411 đồng

Do bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận mặc dù Ngân hàng cũng đã nhiều lần thông báo. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P liên đới nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 19/3/2018 là 76.347.229 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/3/2018 trở về Su theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mà các bên đã ký kết.

Trường hợp bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên xử giao cho Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý, kê biên tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LD1427500552 ngày 02/10/2014 và phụ lục sửa đổi bổ sung ngày 20/10/2014 để thu hồi các khoản nợ nêu trên.

Bị đơn bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P vắng mặt tại Tòa nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn T vắng mặt tại tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ST đối với bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Xác định Ngân hàng Thương mại Cổ phần ST là nguyên đơn, bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P là bị đơn, anh Đỗ Văn T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P có nơi cư trú tại xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho bà Lê Thị S, ông Đỗ Văn P và anh Đỗ Văn Tín đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng bà S, ông P và anh Tín vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã triệu tập họp lệ đến lần thứ 2, nhưng bà S, ông P và anh Tín vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà S, ông P và anh Tín là phù hợp

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngân hàng Thương mại cổ phần ST yêu cầu bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P liên đới trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày 20/3/2018 là 76.347.229 đồng (trong đó tiền vốn: 64.953.822 đồng; tiền lãi: 11.393.407 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/3/2018 trở về Su theo Hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng mà các bên đã ký kết.

Trường hợp bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên xử giao cho Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý, kê biên tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LD1427500552 ngày 02/10/2014 để thu hồi các khoản nợ nêu trên.

Trong suốt quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chỉ có lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo hợp đồng tín dụng; giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; hợp đồng thế chấp số LD1427500552 ngày 02/10/2014 và phụ lục sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 20/10/2014 thể hiện bà S và ông P trực tiếp ký tên vay tiền với mục đích tiêu dùng và Tòa án đã mời bà S và ông P đến Tòa để trình bày ý kiến, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và xét xử. Tuy nhiên đến thời điểm này, bà S và ông P không đến Tòa theo giấy triệu tập và cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của nguyên đơn là có hay không có cơ sở, nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu kê biên tài sản thế chấp thì Hội đồng xét xử thấy rằng: theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LD1427500552 ngày 02/10/2014 và phụ lục sửa đổi, bổ sung thì bà S và ông P trực tiếp ký tên còn anh Tín có giấy ủy quyền đề ngày 06/10/2014 với nội dung anh đồng ý ủy quyền cho bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P ký tên để thế chấp, vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần ST- Chi nhánh BT – Phòng giao dịch M1 và đến thời điểm này thì bà S, ông P và anh Tín cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Ngân hàng yêu cầu kê biên tài sản đã thế chấp của hộ gia đình bà S để đảm bảo thi hành án là phù hợp nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do vi phạm nghĩa vụ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 94 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào các điều 351, 352 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các điều 306, 317 và Điều 319 của Luật thương mại

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần STcụ thể tuyên:

1/ Buộc bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ST tổng số tiền 70.307.996 (Bảy mươi triệu ba trăm lẻ bảy nghìn chín trăm chín mươi sáu) đồng (trong đó tiền vốn: 58.307.996 đồng, tiền lãi: 11.317.996 đồng) theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số: LD1427500552 ngày 02/10/2014 mà các bên đã ký kết.

2/ Buộc bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ST tổng số tiền 6.039.233 (Sáu triệu không trăm ba mươi chín nghìn hai trăm ba mươi ba) đồng (trong đó tiền vốn: 5.963.822 đồng, tiền lãi: 75.411 đồng) theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08/10/2014 mà các bên đã ký kết.

3/ Buộc bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P tiếp tục liên đới nghĩa vụ trả tiền lãi trên số nợ gốc tính từ ngày 20/3/2018 về Su theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số: LD1427500552 ngày 02/10/2014 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08/10/2014 mà các bên đã ký kết.

4/ Trường hợp bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P không trả số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần ST được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LD1427500552 ngày 02/10/2014 và phụ lục sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 20/10/2014 để thu hồi nợ.

Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.817.000 (Ba triệu tám trăm mười bảy nghìn) đồng bà Lê Thị S và ông Đỗ Văn P có nghĩa vụ liên đới nộp

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần ST số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.793.000 (Một triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn) đồng, do Ngân hàng thương mại cổ phần ST– Chi nhánh BT – Phòng giao dịch M1 nhận thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0013512 ngày 21/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (4b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

